

**B - ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

STT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Xã Quảng Lâm (Xã miền núi)</b>	
1	Từ bảng tin thôn Mào Liễn đến ngàm thôn Tài Lý Sáy (giáp chợ Quảng Lâm)	80,000
2	Khu quy hoạch chợ (Đất bám đường chính)	150,000
3	Xung quanh ngã tư nhà Di Hiếng cũ cách 200m về phía Bình Hồ, Siêng Lông, Làng Ván 1	80,000
4	Đoạn Từ trường tiểu học đến nhà di Hiếng	80,000
5	Trục đường các thôn bản	50,000
6	Đường rẽ vào nhà Tăng Sênh đến ngàm Bình Hồ, Thanh Y	50,000
7	Từ nhà Tăng Vùi đi Lý Khoái 200m	50,000
8	Các Khu còn lại	40,000
<b>II</b>	<b>Xã Quảng An (Xã miền núi)</b>	
1	Đường trục xã từ nhà anh Vũ đến nhà anh Đản thôn Hải An	180,000
2	Từ nhà anh Vũ đến nhà anh Nghị thôn Đông Thành	150,000
3	Từ nhà ông Thìn - nhà ông Lý thôn Thìn Thủ	150,000
4	Khu đường bê tông thôn An Sơn	180,000
5	Đường bê tông Từ Sôi Hềnh đến rẽ Nà Cáng	150,000
6	Khu quán làng Ngang đến đầu thôn Nà Pá	180,000
7	Từ Ba Nhất đến Trường tiểu học Quảng An II	100,000
8	Từ Trường tiểu học Quảng An II đến Nà Cáng	100,000

9	Xen cư từ nhà anh Hiến đến nhà anh Đò thôn Đông Thành	100,000
10	Đường rẽ từ nhà Anh Tuyển đến nhà anh Đoàn thôn Đông Thành	50,000
11	Xóm đảo đôi anh Thang, sau nha anh Tính thôn Hải An và Đông Thành	50,000
12	Đường rẽ khu nhà ông Chắt đến nhà ông Doanh thôn Thìn Thủ	80,000
13	Đường rẽ nhà ông Phó đến nhà ông Tịnh thôn Thìn Thủ	50,000
14	Điểm xen cư thuộc thôn Thìn Thủ	50,000
15	Khu quy hoạch thôn Nà Thùng	80,000
16	Khu Cóp Bạc - Nà Hin - Nà Thùng	50,000
17	Khu quy hoạch thôn Tán Trúc Tùng	80,000
18	Xen cư cuối Bàn Trúc Tùng đi Bình Sơn	50,000
19	Khu Dừng Váy - Dừng Phí xen cư thôn Nà Pá	50,000
20	Khu quy hoạch Nà Cáng	50,000
21	Khu Xen cư Nà Cáng	50,000
22	Trục đường từ nhà ông Đắc đến nhà ông Thoản thôn Hải An	100,000
23	Xen cư thôn An Sơn	50,000
24	Xen cư thôn Làng Ngang	50,000
25	Xen cư thôn Đông Thành	50,000
26	Các khu còn lại	40,000
<b>III</b>	<b>Xã Đại Bình (xã miền núi)</b>	
1	Từ ngã tư thôn Đồng Muong đi quốc lộ 18A tới giáp xã Dực Yên	80,000
2	Từ nhà ông Lưu Đức Văn thôn Làng Y đến UBND xã Đại Bình, xuống đến bến tàu thôn Nhâm Cao	90,000

3	Từ Ngã tư thôn Đồng Mương đi xuống ngã 4 thôn Nhâm Cao	80,000
4	Từ nhà ông Thuận (cũ) Bình Minh đi thôn xóm Khe xuống bến Mắm	80,000
5	Từ cầu thôn xóm Khe đến đê Ba Lê	50,000
6	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Ngọc Chu đến giáp nhà bà Tô Thị Lưu	65,000
7	Đoạn từ ngã tư thôn Nhâm Cao đi ra khu Đồng Quan thôn Làng Ruộng	70,000
8	Từ bến Làng Ruộng đi sang thôn Thái Lập xã Tân Lập	70,000
9	Các khu còn lại	40,000
<b>IV</b>	<b>Xã Tân Lập (Miền Núi)</b>	
1	Đoạn Quốc lộ 18A đất bám đường giáp nhà bà Phạm Thị Chung (phố Trần Phú) đến ngã ba đường đi Thái Lập	800,000
2	Đoạn Quốc lộ 18A đất bám bên đường từ ngã ba đường đi Thái Lập đến cầu Khe Mắm	500,000
3	Từ Quốc lộ 18A đoạn ngã ba nhà ông Dương Ân đến nhà ông Trương Văn Giảng thôn Thái Lập	150,000
4	Đoạn ngã 3 tiếp giáp từ nhà ông Trương Văn Giảng đến hết nhà ông Nguyễn Văn Long	90,000
5	Đoạn ngã 3 tiếp giáp từ nhà ông Trương Văn Giảng đến đập tràn giáp xã Đại Bình	90,000
6	Đoạn tiếp giáp từ nhà ông Long đến nhà hết ông Tô Văn Quý	80,000
7	Đoạn tiếp sau nhà ông Vũ Cao đến Phúc Tiến	70,000
8	Từ ranh giới giữa xã Đàm Hà và Tân Lập đến ngã ba giáp nhà ông Đinh Chiên thôn Tân Hợp	90,000
9	Từ Núi chợ đến nhà ông Đinh Chiên thôn Tân Hợp	100,000
10	Đoạn tiếp giáp từ nhà ông Đinh Chiên đến ngã tư thôn Đông Hà	100,000
11	Từ ngã tư Đông Hà đến nghĩa trang nhân dân Đông Hà ( hai bên đường)	50,000
12	Từ cổng viện 40 cũ đến giáp đường Thái Lập (Đường Nạm Say)	90,000
13	Đường khu trung tâm xã Tân Lập	110,000

14	Đất bám đường thôn Lập Tân từ tiếp giáp đường bê tông tới sân kho	50,000
15	Đoạn ngã tư thôn Hà Lai đến ngã ba giáp nhà ông Phạm Văn Đàn	80,000
16	Các Khu còn lại	40,000
<b>V</b>	<b>Xã Quảng Tân (Xã miền núi)</b>	
<b>1</b>	<b>Trục đường Quốc lộ 18A</b>	
1.1	Đất bám đường từ Công ty cổ phần xây dựng Cẩm Phả đến hết nhà bà Gái	1,000,000
1.2	Đất bám đường tiếp giáp nhà bà Gái đến nhà ông Ngọ	800,000
1.3	Đất bám đường từ tiếp giáp nhà ông Ngọ đến cầu Khe Mắm	500,000
<b>2</b>	<b>Trục đường Quảng Tân đi Quảng An</b>	
2.1	Từ phía Tây Bắc đường vào thôn Tân Đông đến nhà anh Tĩnh	500,000
2.2	Từ phía Tây Bắc nhà anh Tĩnh đến UBND xã Quảng Tân	400,000
2.3	Từ ngã ba UBND xã đến cổng ông Lĩnh	350,000
2.4	Tiếp từ cổng ông Lĩnh đến ngàm Quảng An	300,000
2.5	Từ ngã ba UBND xã đến nhà anh Dương	300,000
2.6	Từ nhà bà Nuôi đến giáp xã Quảng Lợi	200,000
<b>3</b>	<b>Trục đường Quảng Tân đi Quảng Lợi</b>	
3.1	Từ giáp nhà ông Tạ đến nhà ông Bình	500,000
3.2	Từ nhà anh Giang đến nhà anh Khiên	300,000
3.3	Từ phía Tây Bắc đến giáp đất Quảng Lợi	150,000
<b>4</b>	<b>Đường thôn Tân Thanh - Quảng Tân Từ nhà anh Nam đến nhà ông Viết</b>	150,000
<b>5</b>	<b>Đường thôn Tân Hợp - Quảng Tân Từ nhà anh Tuyển đến đường rẽ xuống trạm y tế xã</b>	150,000

<b>6</b>	<b>Các khu còn lại của xã</b>	70,000
<b>VI</b>	<b>Xã Tân Bình (Xã miền núi)</b>	
1	Đất bám đường từ tiếp giáp nhà ông Biền đến nhà ông Đức Học thôn Bình Nguyên	250,000
2	Đất bám đường theo Quốc lộ 18A tiếp giáp từ nhà Đức Học đến cầu Đá Bàn	150,000
3	Đất bám đường qua UBND xã từ tiếp giáp QL 18A đến hết ngã tư nhà ông Bi	150,000
4	Đất bám đường từ tiếp giáp ngã Tư nhà ông Bi đến hết thôn Bình Hải	70,000
5	Đất bám đường từ ngã tư thôn Tân Việt đến núi Xê	80,000
6	Đất bám đường từ núi Xê đến cầu bê tông giáp phố Chu Văn An	100,000
7	Các ô đất trong khu quy hoạch dân cư thôn Đông Sơn	100,000
8	Các điểm trong thôn và trục đường thôn từ thôn Tân Hà đến thôn Đông Sơn	60,000
9	Các ô đất trong khu quy hoạch dân cư thôn Tân Hà	80,000
10	Đất bám theo QL 18A từ cây xăng Bình Ngọc đến đỉnh dốc ba tầng quán nhà ông Biền	300,000
11	Đất bám đường từ nhà ông Bùi Nguyên đến cầu ngầm cũ	150,000
12	Các Khu còn lại	50,000
<b>VII</b>	<b>Xã Dục Yên (Xã miền núi)</b>	
1	Trục đường 18A từ cầu Khe Mắm đến cầu Khe Diệu	150,000
2	Trục đường 18A từ cầu Khe Diệu đến cầu Khe Nứa	120,000
3	Ngã tư thôn Đông đến giáp địa phận Đại Bình	120,000
4	Ngã tư thôn Đông đến thôn Tây	120,000
5	Đoạn giáp xã Đại Bình qua ngã tư đến Trường mẫu giáo thôn Đông	120,000
6	Từ trường mẫu giáo thôn Đông đến trường cấp II	120,000

7	Từ đập thôn Tây đến Trường mẫu giáo thôn Đông	120,000
8	Từ Trường cấp II Dục Yên đến ngã 3 Yên Sơn	100,000
9	Từ đập tràn thôn Tây đến cầu Gãy	100,000
10	Từ nhà bà Phượng đến nhà ông Phoi thôn Đồng Tâm	120,000
11	Các khu vực còn lại	50,000
12	Từ cầu Khe Nứa đến giáp huyện Tiên Yên (trục đường 18A)	120,000
<b>VIII</b>	<b>Xã Quảng Lợi (xã miền núi)</b>	
1	Khu trung tâm UBND xã từ giáp ranh xã Quảng Tân đến nhà ông Chức thôn Trung sơn	100,000
2	Đất bám đường trục xã từ tiếp giáp nhà ông Chức đến đập Đầm Hà Động và đường trục xã thôn An Lợi	80,000
3	Các khu khác còn lại	40,000
<b>IX</b>	<b>Xã Đầm Hà (xã trung du)</b>	
1	Từ sân kho thôn Trại Cao đến hết thôn Xóm Giáo (bám đường Bê Tông)	200,000
2	Đất bám đường đi Đầm Buôn từ nhà ông Dòng (Cầu Đá) đến hết ngã ba Trại Giữa (đường rẽ sang UBND xã Đầm Hà)	200,000
3	Đất bám đường tiếp giáp ngã ba Trại Giữa đến hết ngã ba Đầm Buôn đường rẽ sang Xóm Giáo	150,000
4	Từ ngã ba Đầm Buôn sang đến Xóm Giáo	90,000
5	Từ ngã ba trại giữa đến ranh giới giữa xã Đầm Hà và xã Tân Lập	90,000
6	Từ ngã ba Đầm Buôn đến ngã ba đường ra xóm ngoài	300,000
7	Từ đường ra xóm ngoài đến hết cảng	400,000
8	Đường ra xóm ngoài Đầm Buôn	120,000
9	Đất phía trong đường ra xóm ngoài Đầm Buôn	100,000
10	Khu vực núi Sơn Hải	45,000

11	Đường liên thôn từ nhà Đình Thị Hằng sang đường bê tông Trại Khe - Xóm Giáo	60,000
12	Phía Nam của ngã ba Đàm Buôn đến ngã ba đường ra xóm ngoài	200,000
13	Các khu còn lại	45,000

**Ghi chú: Việc xác định giá đất đối với thửa đất ở tại nông thôn có vị trí đất chênh cốt:**

Đối với thửa đất bám đường có độ chênh cao (hoặc thấp hơn) so với mặt đường (tính từ chỉ giới XD trở vào):

a) Từ 2m đến dưới 3m giá đất bằng 80% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá này.

b) Từ 3m trở lên giá đất bằng 70% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá này.

Trường hợp giá đất xác định tại điểm a, b nêu ở trên thấp hơn 20% so với mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định thì tính bằng mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định giảm trừ 20%.